PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM **ĐỀ THI VÀO 10 THPT**

**TRƯỜNG THCS DƯƠNG QUANG MÔN HÓA: HỌC**

Thời gian làm bài: *60 phút*

**ĐỀ 1**

*Cho: H = 1; Li = 7; Be = 9; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Rb = 85,5; Ag = 108; I = 127; Cs = 133; Ba = 137.*

**Câu 1**: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

A. CO2, B. Na2O. C. SO2, D. P2O5

**Câu 2**: Chất khí nào sau đây là nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính ?

A. CO2 B. O2 C. N2 D. H2

**Câu 3**: Đồng (II) oxit (CuO) tác dụng được với:

A. Nước, sản phẩm là axit. B. Bazơ, sản phẩm là muối và nước.

C. Nước, sản phẩm là bazơ. D. Axit, sản phẩm là muối và nước.

**Câu 4:** Sắt (III) oxit (Fe2O3) tác dụng được với:

A. Nước, sản phẩm là axit. B. Axit, sản phẩm là muối và nước.

C. Nước, sản phẩm là bazơ. D. Bazơ, sản phẩm là muối và nước.

**Câu 5**: Khử hoàn toàn 0,58 tấn quặng sắt chứa 90 % là Fe3O4 bằng khí hiđro. Khối lượng sắt thu được là:

A. 0,378 tấn. B. 0,156 tấn. C. 0,126 tấn. D. 0,467 tấn

**Câu 6**: Nhóm chất tác dụng với nước và với dung dịch HCl là:

A. Na2O, SO3 , CO2 . B. K2O, P2O5, CaO.

C. BaO, SO3, P2O5. D. CaO, BaO, Na2O.

**Câu 7:** Chất tác dụng với dung dịch HCl tạo thành chất khí nhẹ hơn không khí là:

A. Mg B. CaCO3  C. MgCO3  D. Na2SO3

**Câu 8:** CuO tác dụng với dung dịch H2SO4 tạo thành:

A. Dung dịch không màu. B. Dung dịch có màu lục nhạt.

C. Dung dịch có màu xanh lam. D. Dung dịch có màu vàng nâu.

**Câu 9:** Để phân biệt 2 dung dịch HCl và H2SO4 loãng. Ta dùng một kim loại:

A. Mg B. Ba C. Cu D. Zn

**Câu 10:** Các loại thực phẩm nào là hợp chất cao phân tử ?

A. Nước uống, đường. B. Tinh bột, chất béo.

C. Axit axetic. D. Tinh bột, đạm.

**Câu 11:** Thuốc thử dùng để nhận biết dung dịch HCl và dung dịch H2SO4 là:

A. K2SO4  B. Ba(OH)2  C. NaCl D. NaNO3

**Câu 12:** Cho 21 gam MgCO3 tác dụng với một lượng vừa đủ dung dịch HCl 2M.

Thể tích dung dịch HCl đã dùng là:

1. 2,5 lít B. 0,25 lít C.3,5 lít D. 1,5 lít

**Câu 13:** Nhóm bazơ vừa tác dụng được với dung dịch HCl, vừa tác dụng được với dung dịch KOH.

A. Ba(OH)2 và NaOH B. NaOH và Cu(OH)2

C. Al(OH)3 và Zn(OH)2 D. Zn(OH)2 và Mg(OH)2

**Câu 14**: Cặp chất nào sau đây tồn tại trong một dung dịch (không có xảy ra phản ứng với nhau)?

A. NaOH và Mg(OH)2 B. KOH và Na2CO3

C. Ba(OH)2 và Na2SO4 D. Na3PO4 và Ca(OH)2

**Câu 15**. Để nhận biết dd KOH và dd Ba(OH)2 ta dùng thuốc thử là:

A. Phenolphtalein B. Quỳ tím

C. dd H2SO4 D.dd HCl

**Câu 16**. Sục 2,24 lít khí CO2 vào dung dịch chứa 0,2 mol NaOH. Dung dịch thu được sau phản ứng chứa:

A. NaHCO3 B. Na2CO3

C. Na2CO3 và NaOH D. NaHCO3 và NaOH

**Câu 17**. NaOH có thể làm khô chất khí ẩm sau:

A. CO2 B. SO2 C. N2 D. HCl

**Câu 18**: Dẫn 1,68 lít khí CO2 (đktc) vào **x** g dung dịch KOH 5,6%. Để thu được muối KHCO3 duy nhất thì **x** có giá trị là:

A. 75g B. 150 g C. 225 g D. 300 g

**Câu 19:** Dùng 400ml dung dịch Ba(OH)2 0,1M hấp thụ hoàn toàn **V** lít khí SO2 (đktc). Sau phản ứng thu được muối BaSO3 không tan. Giá trị bằng số của **V** là:

A. 0,896 lít B. 0,448 lít C. 8,960 lít D. 4,480 lít

**Câu 20** Cho dung dịch axit sunfuric loãng tác dụng với muối natrisunfit ( Na2SO3). Chất khí nào sinh ra :

A. Khí hiđro B.Khí oxi C. Khí lưu huỳnhđioxit D. Khí hiđro sunfua

**Câu 21:** Điện phân dung dịch NaCl bão hoà, có màng ngăn giữa hai điện cực, sản phẩm thu được là:

A.NaOH, H2, Cl2  B.NaCl, NaClO, H2, Cl2

C.NaCl, NaClO, Cl2 D.NaClO, H2 và Cl2

**Câu 22:** Cặp chất nào sau đây **không** thể tồn tại trong 1 dung dịch (phản ứng với nhau) ?

A.NaOH, MgSO4  B. KCl, Na2SO4  C.CaCl2, NaNO3 D.ZnSO4, H2SO4

**Câu 23:** Nếu chỉ dùng dung dịch NaOH thì có thể phân biệt được 2 dung dịch muối trong mỗi cặp chất sau:

A.Na2SO4 và Fe2(SO4)3 B.Na2SO4 và K2SO4

C. Na2SO4 và BaCl2 D.Na2CO3 và K3PO4

**Câu 24:** Khi cho 200g dung dịch Na2CO3 10,6% vào dung dịch HCl dư, khối lượng khí sinh ra:

A. 4,6 g B. 8 g C. 8,8 g D. 10 g

**Câu 25:** Để làm sạch dung dịch ZnSO4 có lẫn CuSO4. ta dùngkim loại:

A. Al B. Cu C. Fe D. Zn

**Câu 26 :** Để làm sạch mẫu chì bị lẫn kẽm, ngươì ta ngâm mẫu chì nầy vào một lượng dư dung dịch:

A. ZnSO4 B. Pb(NO3)2 C. CuCl2 D. Na2CO3

**Câu 27:** Cho một bản nhôm có khối lượng 70g vào dung dịch CuSO4. Sau một thời gian lấy bản nhôm ra cân có khối lượng 76,9g. Khối lượng đồng bám vào bản nhôm là:

A. 19,2g B. 10,6g C. 16,2g D. 9,6g

**Câu 28:** Clo tác dụng với nước

A. tạo ra hỗn hợp hai axit. B. tạo ra hỗn hợp hai bazơ.

C. tạo ra hỗn hợp muối. D. tạo ra một axit hipoclorơ.

**Câu 29:** Clo tác dụng với natri hiđroxit

A. tạo thành muối natri clorua và nước. B. tạo thành nước javen.

C. tạo thành hỗn hợp các axit. D. tạo thành muối natri hipoclorit và nước.

**Câu 30:**Cặp chất nào sau đây có thể cùng tồn tại trong dung dịch ?

A. HNO3 và KHCO3. B. Ba(OH)2 và Ca(HCO3)2.

C. Na2CO3 và CaCl2. D. K2CO3 và Na2SO4.

**Câu 31:**Trong thực tế, người ta có thể dùng cacbon để khử oxit kim loại nào trong số các oxit kim loại dưới đây để sản xuất kim loại ?

A. Al2O3 B. Na2O C. MgO D. Fe3O4

**Câu 32:**Hãy cho biết chất nào sau đây trong phân tử chỉ có liên kết đơn ?

A. C6H6. B. C2H4. C. CH4. D. C2H2.

**Câu 33:**Số liên kết đơn trong phân tử C4H10 là

A. 10. B. 13. C. 14. D. 12.

**Câu 34:**rong công thức nào sau đây có chứa liên kết ba ?

A. C2H4 (etilen). B. CH4 (metan). C. C2H2 (axetilen). D. C6H6 (benzen).

**Câu 35:**Số công thức cấu tạo của C4H10 là

A. 3. B.5. .C. 2 D. 4.

**Câu 36:**Khi phân tích một hiđrocacbon (X) chứa 81,82% cacbon. Công thức phân tử của (X) là

A. C3H8. B. C3H6. C. C2H4. D. C4H10.

**Câu 37:**Hiđrocacbon A có phân tử khối là 30 đvC. Công thức phân tử của A là

A. CH4. B. C2H6. C. C3H8. D. C2H4.

**Câu 38 :** Đường mía là loại đường nào sau đây ? (chương 5/ bài 51 / mức 1)

A. Mantozơ. B. Glucozơ. C. Fructozơ.

D. Saccarozơ.

**Câu 39:** Để phân biệt tinh bột và xenlulozơ ta dùng

A. quỳ tím. B. iot. C. NaCl. D. glucozơ.

**Câu 40:** Phân tử khối của tinh bột khoảng 299700 đvC. Số mắt xích (-C6H10O5-) trong phân tử tinh bột là

A. 1850. B. 1900. C. 1950. D. 21

PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM **ĐỀ THI VÀO 10 THPT**

**TRƯỜNG THCS DƯƠNG QUANG MÔN :HÓA HỌC**

Thời gian làm bài: *60 phút*

**ĐỀ 2**

*Cho: H = 1; Li = 7; Be = 9; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Rb = 85,5; Ag = 108; I = 127; Cs = 133; Ba = 137.*

**Câu 1** : Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit là

A. K2O. B. CuO. C. P2O5. D. CaO.

**Câu 2**: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

A. K2O. B. CuO. C. CO. D. SO2.

**Câu 3:** Công thức hoá học của sắt oxit, biết Fe(III) là:

A. Fe2O3. B. Fe3O4. C. FeO. D. Fe3O2.

**Câu 4** Thể tích khí hiđro (đktc) cần dùng để khử hoàn toàn hỗn hợp gồm 20 g CuO và 111,5g PbO là:

A. 11,2 lít. B. 16,8 lít. C. 5,6 lít. D. 8,4 lít.

**Câu 5** Oxit được dùng làm chất hút ẩm ( chất làm khô ) trong phòng thí nghiệm là:

A. CuO B. ZnO C. PbO D. CaO

**Câu 6:** Dãy oxit tác dụng với dung dịch HCl tạo thành muối và nước là:

A. CO2, SO2, CuO. B. SO2, Na2O, CaO.

C. CuO, Na2O, CaO. D. CaO, SO2, CuO.

**Câu 7:** Chất phản ứng được với dung dịch HCl tạo ra một chất khí có mùi hắc, nặng hơn không khí và làm đục nước vôi trong:

A. Zn B. Na2SO3 C. FeS D. Na2CO3

**Câu 8**: Nhóm chất tác dụng với dung dịch H2SO4 loãng sinh ra chất kết tủa màu trắng:

A. ZnO, BaCl2 B. CuO, BaCl2

C. BaCl2, Ba(NO3)2 D. Ba(OH)2, ZnO

**Câu 9:** Nhóm chất tác dụng với dung dịch HCl và với dung dịch H2SO4 loãng là:

A. CuO, BaCl2, ZnO B. CuO, Zn, ZnO

C. CuO, BaCl2, Zn D. BaCl2, Zn, ZnO

**Câu 10:** Cho 0,2 mol Canxi oxit tác dụng với 500ml dung dịch HCl 1M. Khối lượng muối thu được là:

A. 2,22 g B. 22,2 g C. 23,2 g D. 22,3 g

**Câu 11**: Khi cho 500ml dung dịch NaOH 1M tác dụng hết với dung dịch H2SO4 2M tạo thành muối trung hòa. Thể tích dung dịch H2SO4 2M là:

A. 250 ml B. 400 ml C. 500 ml D. 125 ml

**Câu 12:** Có những bazơ Ba(OH)2, Mg(OH)2, Cu(OH)2, Ca(OH)2. Nhóm các bazơ làm quỳ tím hoá xanh là:

A. Ba(OH)2, Cu(OH)2 B. Ba(OH)2, Ca(OH)2

C. Mg(OH)2, Ca(OH)2 D. Mg(OH)2, Ba(OH)2

**Câu 13.** Phản ứng hoá học nào sau đây tạo ra oxit bazơ ?

A. Cho dd Ca(OH)2 phản ứng với SO2 B. Cho dd NaOH phản ứng với dd H2SO4

C. Cho dd Cu(OH)2 phản ứng với HCl D. Nung nóng Cu(OH)2

**Câu14 .** Dung dịch Ba(OH)2 **không phản ứng** được với:

A. Dung dịch Na2CO3 B. Dung dịch MgSO4

C. Dung dịch CuCl2 D. Dung dịch KNO3

**Câu 15**. NaOH có thể làm khô chất khí ẩm sau:

A. CO2 B. SO2 C. N2 D. HCl

**Câu 16**. Dung dịch NaOH phản ứng được với kim loại:

A. Mg B. Al C. Fe D. Cu

**Câu 17:** Nhiệt phân hoàn toàn 19,6g Cu(OH)2 thu được một chất rắn màu đen, dùng khí H2 dư khử chất rắn màu đen đó thu được một chất rắn màu đỏ có khối lượng là:

A. 6,4 g B. 9,6 g C. 12,8 g D. 16 g

**Câu 18:** Cho 200ml dung dịch Ba(OH)2 0,4M vào 250ml dung dịch H2SO4 0,3M. Khối lượng kết tủa thu được là:

A. 17,645 g B. 16,475 g C. 17,475 g D. 18,645 g

**Câu 19:** Dung dịch tác dụng được với các dung dịch : Fe(NO3)2, CuCl2 là:

A. Dung dịch NaOH B.Dung dịch HCl

C. Dung dịch AgNO3 D.Dung dịch BaCl2

**Câu2** :Để làm sạch dung dịch đồng nitrat Cu(NO3)2 có lẫn tạp chất bạc nitrat AgNO3. Ta dùng kim loại:

A.Mg B. Cu C.Fe D.Au

**Câu 21** Lưu huỳnh đioxit được tạo thành từ phản ứng của cặp chất:

A. Na2SO4+CuCl2 B.Na2SO3+NaCl C.K2SO3+HCl D.K2SO4+HC

**Câu22** Hợp chất nào sau đây bị nhiệt phân hủy tạo ra hợp chất oxit và một chất khí làm đục nước vôi trong

A.Muối sufat B.Muối cacbonat không tan C.Muối clorua D.Muối nitrat

**Câu 23:** Trộn dung dịch có chứa 0,1mol CuSO4 và một dung dịch chứa 0,3 mol NaOH, lọc kết tủa, rửa sạch rồi đem nung đến khối lượng không đổi thu được m g chất rắn. Giá trị m là:

A. 8 g B. 4 g

C. 6 g D. 12 g

**Câu 24:** Cho 500 ml dung dịch NaCl 2M tác dụng với 600 ml dung dịch AgNO3 2M. Khối lượng kết tủa thu được là:

A. 143,5 g B. 14,35 gg C. 157,85 D. 15,785 g

**Câu 25:** Các khí có thể tồn tại trong một hỗn hợp ở bất kì điều kiện nào ?

A. H2 và O2. B. Cl2 và H2. C. Cl2 và O2. D. O2 và SO2.

**Câu 26:** Cho 11,2 gam bột sắt tác dụng với khí clo dư. Sau phản ứng thu được 32,5 gam muối sắt. Khối lượng khí clo tham gia phản ứng là

A. 21,3 gam. B. 20,50 gam. C. 10,55 gam. D. 10,65 gam.

**Câu 27:**Cặp chất nào sau đây có thể cùng tồn tại trong dung dịch ?

A. HNO3 và KHCO3. B. Ba(OH)2 và Ca(HCO3)2.

C. Na2CO3 và CaCl2. D. K2CO3 và Na2SO4.

**Câu 28:**Chất khí nào sau đây có thể gây chết người vì ngăn cản sự vận chuyển oxi trong máu ?

A. CO B. CO2 C. SO2 D. NO

**Câu 29:**Trong thực tế, người ta có thể dùng cacbon để khử oxit kim loại nào trong số các oxit kim loại dưới đây để sản xuất kim loại ?

A. Al2O3 B. Na2O C. MgO D. Fe3O4

**Câu 30:**Dãy các chất nào sau đây trong phân tử chỉ có liên kết đơn ?

A. CH4, C2H2. B. C2H4, C3H6. C. CH4, C2H6. D. C2H2, CH4.

**Câu 31:**Một hợp chất rượu có công thức C3H7OH. Số công thức cấu tạo của rượu trên là bao nhiêu ?

A. 4 B. 5 C. 3 D. 2

**Câu 32:**Khi phân tích một hiđrocacbon (X) chứa 81,82% cacbon. Công thức phân tử của (X) là

A. C3H8. B. C3H6. C. C2H4. D. C4H10.

**Câu 33:**Hợp chất hữu cơ **không** có khả năng tham gia phản ứng cộng là

A. metan. B. benzen. C. etilen. D. axetilen.

**Câu 34:**Cho các chất sau: H2O, HCl, Cl2, O2, CO2. Khí metan phản ứng được với

A. H2O, HCl. B. Cl2, O2. C. HCl, Cl2. D. O2, CO2.

**Câu 35:**Để tinh chế khí metan có lẫn etilen và axetilen, ta dùng

A. dung dịch nước brom dư. B. dung dịch NaOH dư.

C. dung dịch AgNO3/NH3 dư. D. dung dịch nước vôi trong dư.

**Câu 36:**Axit axetic tác dụng với kẽm giải phóng khí

A. hiđro (H2). B. hiđro clorua ( HCl ).

C. hiđro sunfua (H2S). D. amoniac (NH3).

**Câu 37:**Cặp chất tồn tại được trong một dung dịch là

A. CH3COOH và NaOH. B. CH3COOH và H3PO4.

C. CH3COOH và Ca(OH)2. D. CH3COOH và Na2CO3.

**Câu 38:**Hòa tan hoàn toàn 6,5 gam Zn vào dung dịch CH3COOH. Thể tích khí H2 thoát ra ( đktc) là

A. 0,56 lít. B. 1,12 lít. C. 2,24 lít. D. 3,36 lít.

**Câu 39:** Dãy các chất đều có phản ứng thủy phân là

A. tinh bột, xenlulozơ, PVC, glucozơ. B. tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ, chất béo.

C. tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ, glucozơ. D. tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ, PE.

**Câu 40:** Để nhận biết các bình khí CH4, C2H4, CO2, và SO2 nên dùng phương pháp hóa học là

A. nước Br2 và Ca(OH)2. B. nước Br2 và O2 ( đốt cháy).

C. O2 (đốt cháy) và dung dịch Ca(OH)2. D. dung dịch NaOH và nước Br2